

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần An Tiến Industries

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 43

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 16 ngày 4 tháng 5 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là chế biến đá và các sản phẩm từ đá, xây dựng, vận tải, sản xuất các sản phẩm từ nhựa, bán buôn và bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2023
Ông Ngô Văn Thu	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2023
Bà Đặng Thị Xuê	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Đinh Trọng Đức	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Văn Thu	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng ban
Bà Nguyễn Diệu Linh	Thành viên
Bà Đỗ Như Quỳnh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Ngô Văn Thu, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Ngô Văn Thụ
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12122747/66917312/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.


Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		418.548.577.769	367.654.283.514
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	2.174.699.395	103.929.613.165
111	1. Tiền		2.174.699.395	3.929.613.165
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	100.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		147.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	147.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		171.128.742.177	129.861.776.741
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	99.665.494.424	91.223.891.317
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	30.546.291.472	36.631.444.395
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	26	34.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.916.956.281	2.006.441.029
140	IV. Hàng tồn kho	8	45.832.913.836	61.209.426.730
141	1. Hàng tồn kho		45.832.913.836	61.809.385.483
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(599.958.753)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		52.412.222.361	72.653.466.878
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	635.208.843	1.089.323.362
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	48.698.095.468	68.064.352.075
153	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	15	3.078.918.050	3.499.791.441
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		684.719.610.743	644.704.482.327
220	I. Tài sản cố định		211.685.602.879	227.312.259.958
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	199.428.179.538	214.873.497.345
222	Nguyên giá		394.257.431.135	394.070.431.135
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(194.829.251.597)	(179.196.933.790)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	12.257.423.341	12.438.762.613
228	Nguyên giá		16.248.646.836	16.248.646.836
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.991.223.495)	(3.809.884.223)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	11	467.190.386.116	409.884.912.902
251	1. Đầu tư vào công ty con		334.749.837.450	334.749.837.450
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		201.194.000.000	150.194.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(68.753.451.334)	(75.058.924.548)
260	III. Tài sản dài hạn khác		5.843.621.748	7.507.309.467
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.843.621.748	7.507.309.467
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.103.268.188.512	1.012.358.765.841

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		228.691.886.562	192.125.973.902
310	I. Nợ ngắn hạn		228.691.886.562	165.097.973.902
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	43.469.982.646	35.571.271.430
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	2.119.720.393	7.456.717.513
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.221.502	33.248.970
314	4. Phải trả người lao động		1.960.824.413	1.846.661.868
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.806.223.017	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.455.415.942	3.393.699.914
320	7. Vay ngắn hạn	18	175.794.331.151	114.559.493.609
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		67.167.498	2.236.880.598
330	II. Nợ dài hạn		-	27.028.000.000
338	1. Vay dài hạn	18	-	27.028.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		874.576.301.950	820.232.791.939
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	874.576.301.950	820.232.791.939
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		736.630.160.000	736.630.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		736.630.160.000	736.630.160.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.942.220.000	5.942.220.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.043.106.930	11.043.106.930
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.564.926.542	1.564.926.542
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		119.395.888.478	65.052.378.467
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		65.052.378.467	110.498.378.113
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) kỳ này		54.343.510.011	(45.445.999.646)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.103.268.188.512	1.012.358.765.841

Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Ngô Văn Thụ
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	414.253.405.860	377.743.148.490
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	(370.395.707)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	414.253.405.860	377.372.752.783
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(309.239.155.410)	(249.718.845.211)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		105.014.250.450	127.653.907.572
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	33.039.234.512	20.858.867.753
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành khoản vay)</i>	22	(2.006.526.138) (4.639.306.503)	(9.092.725.741) (4.913.049.820)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(73.435.758.367)	(110.212.320.852)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(7.840.866.650)	(6.826.001.040)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		54.770.333.807	22.381.727.692
31	11. Thu nhập khác		757.105	46.649.995
32	12. Chi phí khác		(6.707.510)	(3.760.560.901)
40	13. Lỗ khác		(5.950.405)	(3.713.910.906)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		54.764.383.402	18.667.816.786
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(420.873.391)	(1.557.419.967)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		54.343.510.011	17.110.396.819

Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập kế toán trưởng



Ngô Văn Thu
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		54.764.383.402	18.667.816.786
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		15.813.657.079	16.151.432.318
03	Hoàn nhập dự phòng		(6.905.431.967)	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.056.142.804	563.877.368
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(29.281.477.855)	(16.541.867.122)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành khoản vay)		5.215.306.503	5.489.049.820
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.662.579.966	24.330.309.170
09	Giảm các khoản phải thu		16.723.052.698	4.116.619.934
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		15.976.471.647	(28.489.586.917)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		4.341.788.218	(1.868.180.873)
12	Giảm chi phí trả trước		2.117.802.238	3.888.426.119
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.639.306.503)	(4.913.049.820)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.380.166.406)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.169.713.100)	(3.145.786.531)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		73.012.675.164	(7.461.415.324)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		-	(409.970.975)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	140.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(201.000.000.000)	(126.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	60.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(51.000.000.000)	(173.008.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.030.203.882	15.870.187.053
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(206.969.796.118)	(223.407.783.922)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	368.193.480.000
33	Tiền thu từ đi vay		294.604.268.743	204.839.074.712
34	Tiền trả nợ gốc vay		(262.405.679.803)	(322.671.257.791)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(52.250.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		32.198.588.940	250.309.046.921
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(101.758.532.014)	19.439.847.675
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		103.929.613.165	34.122.767.835
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.618.244	102.286.893
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	2.174.699.395	53.664.902.403

Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Ngô Văn Thụ
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 16 ngày 4 tháng 5 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là chế biến đá và các sản phẩm từ đá, xây dựng, vận tải, sản xuất các sản phẩm từ nhựa, bán buôn và bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là: 198 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 194).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (“Công ty An Thành”)	51%	51%	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
2	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”)	99%	99%	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và cung ứng dịch vụ Logistics
3	Công ty An Thanh Bicsol Singapore PTE LTD (“Công ty An Thành Singapore”)	100%	100%	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	Kinh doanh hạt nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2002/QĐ-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất dở dang và thành phẩm - chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm
Tài sản cố định khác	3 - 30 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn/Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để dự phòng tăng vốn cổ phần của Công ty trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là chế biến đá, nhựa và các sản phẩm từ đá, nhựa và kinh doanh các sản phẩm có liên quan. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân này.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền mặt	181.212.816	47.423.295
Tiền gửi ngân hàng	1.993.486.579	3.882.189.870
Các khoản tương đương tiền	-	100.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.174.699.395	103.929.613.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND					
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	147.000.000.000	147.000.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	147.000.000.000	147.000.000.000	-	-	-	-

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội có thời hạn từ 6 đến 11 tháng và hưởng lãi suất từ 9,2%/năm đến 9,5%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu khách hàng	94.841.512.147	88.464.257.686
<i>Công ty Petromall Industrial and Trading</i>	12.035.405.250	6.578.678.200
<i>Công ty PT. Poly Union Chemicals</i>	10.370.188.290	5.545.468.486
<i>Công ty Filling & Packing Materials Mfg.Co. Saudi (FIPCO)</i>	1.330.182.241	13.475.521.710
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	71.105.736.366	62.864.589.290
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	4.823.982.277	2.759.633.631
TỔNG CỘNG	99.665.494.424	91.223.891.317

6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán	2.888.941.768	2.270.026.413
Trả trước cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	27.657.349.704	34.361.417.982
TỔNG CỘNG	30.546.291.472	36.631.444.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.827.326.144	-	1.168.084.865	-
Lãi dự thu	5.089.630.137	-	838.356.164	-
TỔNG CỘNG	6.916.956.281	-	2.006.441.029	-
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	6.124.360.390	-	1.981.441.029	-
<i>Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	792.595.891	-	25.000.000	-

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	28.886.842.184	-	45.689.593.071	-
Thành phẩm	10.193.952.585	-	9.633.740.657	(599.958.753)
Công cụ, dụng cụ	4.155.892.787	-	4.399.097.535	-
Hàng gửi đi bán	1.712.726.280	-	1.968.078.785	-
Hàng đang đi trên đường	883.500.000	-	118.875.435	-
TỔNG CỘNG	45.832.913.836	-	61.809.385.483	(599.958.753)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	148.858.148.665	210.932.472.602	24.596.429.049	5.458.796.273	4.224.584.546	394.070.431.135
- Mua trong năm	-	-	187.000.000	-	-	187.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	148.858.148.665	210.932.472.602	24.783.429.049	5.458.796.273	4.224.584.546	394.257.431.135
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	2.456.684.990	3.282.548.364	5.942.243.487	528.551.273	264.854.546	12.474.882.660
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	42.450.086.281	116.361.666.405	15.607.573.955	3.302.279.799	1.475.327.350	179.196.933.790
- Khấu hao trong kỳ	3.113.504.556	10.947.042.259	1.065.921.852	332.760.396	173.088.744	15.632.317.807
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	45.563.590.837	127.308.708.664	16.673.495.807	3.635.040.195	1.648.416.094	194.829.251.597
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	106.408.062.384	94.570.806.197	8.988.855.094	2.156.516.474	2.749.257.196	214.873.497.345
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	103.294.557.828	83.623.763.938	8.109.933.242	1.823.756.078	2.576.168.452	199.428.179.538

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một số tài sản cố định của Công ty với giá trị còn lại khoảng 150 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	15.926.986.836	321.660.000	16.248.646.836
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	15.926.986.836	321.660.000	16.248.646.836
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	108.250.000	108.250.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.660.600.329	149.283.894	3.809.884.223
- Hao mòn trong kỳ	162.520.272	18.819.000	181.339.272
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.823.120.601	168.102.894	3.991.223.495
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.266.386.507	172.376.106	12.438.762.613
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	12.103.866.235	153.557.106	12.257.423.341

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, toàn bộ quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại là 12,1 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại *Thuyết minh số 18*.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022			Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty con		334.749.837.450	(68.753.451.334)		334.749.837.450	(75.058.924.548)		
Công ty An Tín	99%	156.950.000.000	-	(*)	156.950.000.000	-	(*)	(*)
Công ty An Thành	51%	162.588.000.000	(68.753.451.334)	(*)	162.588.000.000	(75.058.924.548)	(*)	(*)
Công ty An Thành Singapore	100%	15.211.837.450	-	(*)	15.211.837.450	-	(*)	(*)
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		201.194.000.000	-		150.194.000.000	-		
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (**)	33,85%	186.194.000.000	-	(*)	150.194.000.000	-	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ản Công nghiệp An Phát (***)	10%	15.000.000.000	-	(*)	-	-	(*)	(*)
TỔNG CỘNG		535.943.837.450	(68.753.451.334)		484.943.837.450	(75.058.924.548)		

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty không thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ của công ty này do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Tại ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty An Tiến nhận chuyển nhượng cổ phần với giá phí 36 tỷ VND, tương ứng với 6,76% tỷ lệ sở hữu trong Công ty PBAT từ các công ty trong nước.

(***) Tại ngày 6 tháng 4 năm 2023, Công ty An Tiến nhận chuyển nhượng cổ phần với giá phí 15 tỷ VND, tương ứng với 10% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ản Công nghiệp An Phát từ các cá nhân trong nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	549.106.735	1.009.659.696
Các khoản khác	86.102.108	79.663.666
TỔNG CỘNG	635.208.843	1.089.323.362
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.775.107.730	5.923.977.143
Các khoản khác	1.068.514.018	1.583.332.324
TỔNG CỘNG	5.843.621.748	7.507.309.467

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	25.224.058.486	25.224.058.486	18.708.280.890	18.708.280.890
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Thành Vũ	7.276.242.001	7.276.242.001	4.761.680.000	4.761.680.000
Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa	5.373.555.000	5.373.555.000	4.272.840.000	4.272.840.000
Phải trả cho các đối tượng khác	12.574.261.485	12.574.261.485	9.673.760.890	9.673.760.890
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	18.245.924.160	18.245.924.160	16.862.990.540	16.862.990.540
TỔNG CỘNG	43.469.982.646	43.469.982.646	35.571.271.430	35.571.271.430

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty JV LLC Asia Flexo Color Công ty Kal'Tek LLC	415.902.060	415.902.060	-	-
Người mua trả tiền trước	1.703.818.333	1.703.818.333	3.714.903.394	3.714.903.394
TỔNG CỘNG	2.119.720.393	2.119.720.393	7.456.717.513	7.456.717.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	9.664.945.775	(9.664.945.775)	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.248.970	70.380.802	(85.408.270)	18.221.502
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.753.310.683	(1.753.310.683)	-
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	33.248.970	11.491.637.260	(11.506.664.728)	18.221.502
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã thu trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	68.064.352.075	22.833.743.393	(42.200.000.000)	48.698.095.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.499.791.441	-	(420.873.391)	3.078.918.050
TỔNG CỘNG	71.564.143.516	22.833.743.393	(42.620.873.391)	51.777.013.518

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Công ty Điện lực Yên Bái	1.179.223.017	-
Trích trước lương tháng 13	627.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.806.223.017	-

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Kinh phí công đoàn	82.556.101	109.769.921
Phải trả khác	3.372.859.841	3.283.929.993
TỔNG CỘNG	3.455.415.942	3.393.699.914
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>34.573.082</i>	<i>56.140.397</i>
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>3.420.842.860</i>	<i>3.337.559.517</i>

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch từ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	57.059.493.609	57.059.493.609	294.604.268.743	(233.655.679.803)	1.432.248.602	119.440.331.151	119.440.331.151	
Vay dài hạn tới hạn trả (Thuyết minh 18.2)	57.500.000.000	57.500.000.000	27.604.000.000	(28.750.000.000)	-	56.354.000.000	56.354.000.000	
TỔNG CỘNG	114.559.493.609	114.559.493.609	322.208.268.743	(262.405.679.803)	1.432.248.602	175.794.331.151	175.794.331.151	
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	27.028.000.000	27.028.000.000	576.000.000	(27.604.000.000)	-	-	-	
TỔNG CỘNG	27.028.000.000	27.028.000.000	576.000.000	(27.604.000.000)	-	-	-	

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Lãi suất (%năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Vay ngân hàng USD	119.440.331.151	5.033.304	4,3% - 4,5%	Gốc vay đáo hạn lần cuối vào ngày 7 tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.
TỔNG CỘNG (*)	119.440.331.151			

(*) Các tài sản sau được sử dụng sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nêu trên:

- ▶ Tài sản đảm bảo là máy móc, thiết bị và quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3197534/HĐBD ký ngày 24 tháng 4 năm 2017 và hợp đồng bảo lãnh số ICBC.BL.2019.134 ngày 2 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh;
- ▶ Tài sản đảm bảo là máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/3197534/HĐTC ký ngày 18 tháng 12 năm 2018; và
- ▶ Máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27 tháng 11 năm 2015.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Lãi suất (%năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Đơn vị tính: VND
Vay ngân hàng VND	56.354.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng + biên độ 1,4%/năm	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng + biên độ 1,4%/năm	
TỔNG CỘNG	56.354.000.000			
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả	56.354.000.000			
- Vay dài hạn	-			

- ▶ Tài sản đảm bảo cho khoản vay là đất và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát được quy định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số VN121006318/HĐTC ký ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2022	368.315.080.000	6.063.820.000	11.043.106.930	1.564.926.542	115.865.422.178	502.852.355.650
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	17.110.396.819	17.110.396.819
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.367.044.065)	(5.367.044.065)
- Tăng vốn điều lệ từ cổ đồng hiện hữu	368.315.080.000	(121.600.000)	-	-	-	368.193.480.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	127.608.774.932	882.789.188.404
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	65.052.378.467	820.232.791.939
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	54.343.510.011	54.343.510.011
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	119.395.888.478	874.576.301.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	736.630.160.000	368.315.080.000
Tăng vốn trong kỳ	-	368.315.080.000
Số cuối kỳ	<u>736.630.160.000</u>	<u>736.630.160.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng doanh thu	414.253.405.860	377.743.148.490
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	391.730.733.828	376.160.722.128
Doanh thu bán hàng hóa	21.853.826.577	1.582.426.362
Doanh thu dịch vụ	668.845.455	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(370.395.707)
Trong đó:		
Giảm giá hàng bán	-	(25.530.480)
Hàng bán bị trả lại	-	(344.865.227)
Doanh thu thuần	414.253.405.860	377.372.752.783
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	54.673.755.225	34.278.781.244
Doanh thu với các đối tượng khác	359.579.650.635	343.093.971.539

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Cổ tức được chia	21.544.163.820	12.212.950.000
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.737.314.035	4.328.917.122
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.757.756.657	4.317.000.631
TỔNG CỘNG	33.039.234.512	20.858.867.753

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn bán thành phẩm	292.164.631.271	248.317.579.359
Giá vốn bán hàng hóa	17.074.524.139	1.401.265.852
TỔNG CỘNG	309.239.155.410	249.718.845.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi vay	4.639.306.503	4.913.049.820
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.617.526.183	3.099.509.252
Chi phí phát hành khoản vay	576.000.000	576.000.000
Chi phí do các hoạt động đầu tư khác	479.166.666	504.166.669
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	(6.305.473.214)	-
TỔNG CỘNG	2.006.526.138	9.092.725.741

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.492.037.392	105.854.839.738
Chi phí nhân viên	2.072.974.136	1.989.909.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	540.256.728	661.628.940
Chi phí bán hàng khác	5.330.490.111	1.705.942.180
TỔNG CỘNG	73.435.758.367	110.212.320.852
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	3.135.552.782	2.315.988.042
Thuế, phí và lệ phí	1.348.331.170	1.276.187.216
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.106.559.864	1.149.128.975
Chi phí quản lý khác	2.250.422.834	2.084.696.807
TỔNG CỘNG	7.840.866.650	6.826.001.040

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nguyên vật liệu	243.182.691.772	219.314.911.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.870.258.527	127.720.996.273
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	15.813.657.079	16.151.432.318
Chi phí nhân công	15.628.792.254	13.267.933.585
Chi phí khác	9.251.356.079	4.925.770.252
TỔNG CỘNG	372.746.755.711	381.381.044.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO3 mở rộng và bột đá CaCO3

Theo công văn số 2093/CT-TTHTNNT của Cục thuế tỉnh Yên Bái ngày 20 tháng 6 năm 2019, Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm (từ năm 2018 đến năm 2019) và được giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2023) với phần thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng. Thuế suất áp dụng trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của hoạt động này là 10%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	420.873.391	1.557.419.967
TỔNG CỘNG	420.873.391	1.557.419.967

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.764.383.402	18.667.816.786
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	9.575.427.670	3.126.880.330
<i>Thuế TNDN theo thuế suất 20%</i>	8.197.978.660	2.520.197.303
<i>Thuế TNDN theo thuế suất 10%</i>	1.377.449.010	606.683.027
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu kỳ này	(51.094.235)	(106.051.467)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu năm trước	(238.275.097)	-
Các khoản điều chỉnh tăng khác	578.867.898	-
Các khoản chi phí không được trừ khác	10.855.832	790.761.360
Thu nhập từ hoạt động không chịu thuế	(4.308.832.764)	(2.254.170.256)
Lỗ năm trước chuyển sang	(5.146.075.913)	-
Chi phí thuế TNDN	420.873.391	1.557.419.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

25.3 Lỗi thuế chuyển từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 19.684.956.273 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 51.687.214.391 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2023
2022	2027	51.687.214.391	(32.002.258.118)	-	19.684.956.273
TỔNG CỘNG		51.687.214.391	(32.002.258.118)	-	19.684.956.273

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp 1
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2
Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD	Công ty con
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty An Phát International, INC.	Công ty cùng tập đoàn
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Ancop	Công ty liên kết của công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết của công ty con
Công ty AnKor Bioplastics., Ltd	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với công ty mẹ
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT – bổ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2023 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Thu	Thành viên HĐQT – miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Bà Đặng Thị Xuê	Chủ tịch HĐQT – miễn nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2023 Thành viên HĐQT – miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT Trưởng Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đinh Trọng Đức	
Bà Nguyễn Thị Huyền	
Bà Nguyễn Diệu Linh	
Bà Đỗ Như Quỳnh	

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND		
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Doanh thu bán hàng	40.019.789.886	31.282.981.929	
		Mua hàng hóa, dịch vụ	23.367.759.378	6.811.506.495	
		Tiền thu từ góp vốn	-	186.037.790.000	
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.500.000.000	17.000.000.000	
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	10.000.000.000	5.007.114.832	
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Thu tiền cổ tức	11.644.163.820	5.212.950.000	
		Mua hàng hóa	2.494.800.000	-	
		Doanh thu hoạt động tài chính	-	626.049.462	
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	4.634.196.900	20.628.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp 1	Chi phí dịch vụ	420.000.000	-	
		Doanh thu bán hàng	2.250.000	20.536.957	
		Mua hàng hóa	-	8.354.545	
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.475.000	22.590.653	
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	462.000.000	9.190.000	
Công ty An Thành	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	12.675.682.183	8.026.176.016	
		Mua tài sản	187.000.000	-	
		Thu tiền vay	-	20.000.000.000	
		Doanh thu bán hàng	-	1.386.478.072	
		Doanh thu hoạt động tài chính	-	63.191.781	
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.653.889.825	
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	13.592.050.400	7.675.908.000	
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	57.045.494.634	102.625.771.678	
		Thu tiền cổ tức	9.900.000.000	7.000.000.000	
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	57.190.453.238	111.328.396.313	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	63.970.313	-
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.367.345	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con	Mua nguyên vật liệu	46.817.273	7.250.000
		Doanh thu bán hàng	-	113.038.036
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	51.499.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	56.818.182	31.200.000
		Mua hàng hóa, dịch vụ	4.112.878	16.877.974
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.500.000	188.320.000
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	4.524.166	48.414.591
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	4.444.900.000	1.444.546.250
		Mua hàng hóa, dịch vụ	753.024.030	250.549.218
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.764.177.000	2.494.310.125
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	634.764.320	465.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	1.080.682	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với công ty mẹ	Chi tiền cho vay	-	17.500.000.000
		Thu tiền cho vay	-	17.500.000.000
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	364.321.060
		Doanh thu hoạt động tài chính	-	130.890.411
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	9.000.000.000	634.698.416
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	8.694.709.762	-
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.465.366.259	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết của công ty con	Mua dịch vụ	54.815.500	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	51.787.300	-
Công ty AnKor Bioplastics., Ltd	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	1.390.236.400	-
		Mua hàng hóa	1.085.089.320	-
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.235.092.770	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	198.514.126	-
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	39.741.000	85.454.546
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	43.715.100	117.745.455
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn	Cho vay	34.000.000.000	-
		Doanh thu hoạt động tài chính	665.095.891	-
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Chi tạm ứng Nhận hoàn ứng	469.000.000 366.500.000	10.000.000 -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản đi vay và cho vay) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>					
Công ty AFC	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	2.862.544.973	1.605.267.711	
EcoPlastics. LLC	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	787.688.000	662.475.000	
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	650.791.680	491.890.920	
Công ty AnKor Bioplastics., Ltd	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	521.768.874	-	
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Bán hàng hóa	1.188.750	-	
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	-	-	
TỔNG CỘNG			<u>4.823.982.277</u>	<u>2.759.633.631</u>	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>					
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ cấp 2	Mua hàng hóa	18.657.349.704	34.361.417.982	
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt với công ty mẹ	Mua hàng hóa	9.000.000.000	-	
TỔNG CỘNG			<u>27.657.349.704</u>	<u>34.361.417.982</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải thu cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát (*)	Công ty cùng tập đoàn	Cho vay	34.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			34.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu lãi cho vay	665.095.891	-
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tạm ứng	127.500.000	25.000.000
TỔNG CỘNG			792.595.891	25.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty An Tín	Công ty con	Mua hàng hóa	13.582.526.550	11.693.012.040
Công ty An Thành	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	3.575.500.000	3.018.600.000
Công ty AnKor Bioplastics., Ltd	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	883.500.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	198.562.110	5.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	5.835.500	-
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Mua hàng hóa	-	2.146.378.500
TỔNG CỘNG			18.245.924.160	16.862.990.540

(*) Bao gồm khoản cho vay tín chấp có thời hạn 12 tháng và hưởng lãi suất 8,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)</i>				
Công ty An Tín	Công ty con	Phải trả tiền chi hộ	34.573.082	56.140.397
TỔNG CỘNG			34.573.082	56.140.397

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>	<i>Thu nhập</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		282.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ 31 tháng 1 năm 2023	55.000.000	12.000.000
Ông Đinh Trọng Đức	Thành viên HĐQT		30.000.000	12.000.000
Bà Đặng Thị Xue	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023	20.000.000	12.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2023	10.000.000	30.000.000
Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022	-	84.000.000
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2022	-	10.000.000
TỔNG CỘNG			397.000.000	330.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đến 1 năm	685.173.885	1.226.272.825
Từ 1 - 5 năm	385.240.975	362.513.700
Trên 5 năm	2.854.795.388	2.900.109.600
TỔNG CỘNG	3.925.210.248	4.488.896.125

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	40.077	57.881
Euro (EUR)	18.083	9.172
Rúp Nga (RUB)	11.950	-

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2023 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Nguyễn Thị Thu Nhân
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Ngô Văn Thụ
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023